

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thao

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thành

Ông Nguyễn Quốc Vượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thái Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST- HNGĐ ngày 09-4-2021 về tranh chấp: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-6-2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 33/2021/TBXX ngày 01-7-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị Thu H, sinh năm 1976.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn M, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ 10, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-4-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Thu H trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn M đăng ký kết hôn ngày 10-3-2000 tại UBND phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và thường chửi, xúc phạm chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có hai con chung là Phạm Đình D, sinh ngày 25-9-2000 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 01-3-2013. Ly hôn chị đề nghị được trực

tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tiến Đ và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 1.500.000 đồng/1 tháng. Cháu Phạm Đình D hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Thu H

+ Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn M

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Tiến Đạt, sinh ngày 01-3-2013 cho chị Đào Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; Anh Phạm Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Phạm Tiến Đạt là 1.500.000 đồng/1 tháng.

+ Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Văn M. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh M có nơi cư trú tại tổ 10, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Đào Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thu H và anh Phạm Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 10-3-2000 là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu không quan tâm đến cuộc sống gia đình và thường chửi, xúc phạm chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh M. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh M đến hòa giải nhiều lần, nhưng anh M không đến, thể hiện anh M không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh M có hai con chung là Phạm Đình D, sinh ngày 25-9-2000 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 01-3-2013. Chị H có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tiến Đ và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng. Còn con chung là Phạm Đình D hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của chị H là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con được quy định trong luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời cũng phù hợp với nguyên vọng được ở với mẹ của cháu Đ. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích và nguyên vọng của con; đảm bảo sự ổn định cuộc sống, học tập của con nên giao cháu Phạm Tiến Đ cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 1.500.000 đồng/1 tháng. Xét thấy yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con nêu trên của chị H là phù hợp với thu nhập cơ bản và phù hợp với chi phí sinh hoạt nuôi con nên được chấp nhận. Buộc anh Phạm Mạnh Hà phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Tiến Đ mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Đào Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tiến Đ, sinh ngày 01-3-2013 cho Đào Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Phạm Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Phạm Tiến Đ là 1.500.000 đồng/1 tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng/1tháng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

*Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa khi thi hành án xong, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0009007 ngày 09-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ;
- VKSND tp.Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P.Hợp Minh;;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thao**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thao**









